

Số: 161/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Ngân hàng Chính sách xã hội

- Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội được phê duyệt theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Nghị quyết phiên họp thứ nhất ngày 11 tháng 01 năm 2003 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành "Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các đơn vị thuộc bộ máy của Ngân hàng Chính sách xã hội thi hành quyết định này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
CHỦ TỊCH

Đã ký

Lê Đức Thuý

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 161 ngày 17 tháng 4 năm 2003
của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này cụ thể hoá nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, phân công trách nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, nguyên tắc và chế độ làm việc, mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với các Bộ ngành, Ủy ban nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội.

Điều 2. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội trong khuôn khổ các quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội và các quy định tại quy chế này.

Hội đồng quản trị được sử dụng bộ máy và con dấu của Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội được hạch toán vào chi phí quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 3. Tổ chức của Hội đồng quản trị

1. Bộ máy tổ chức của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Hội đồng quản trị có thường trực Hội đồng quản trị do Phó Chủ tịch thường trực, Tổng giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát đảm nhiệm. Thường trực Hội đồng quản trị không phải là một cấp quản trị, điều hành.

3. Giúp việc Hội đồng quản trị có Ban chuyên gia tư vấn theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Ban kiểm soát thuộc bộ máy của Hội đồng quản trị, thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều 31 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

CHƯƠNG II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều 23 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Chỉ đạo Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp, Ban chuyên gia tư vấn, Ban kiểm soát và bộ máy điều hành Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các quy định tại Điều lệ, nghị quyết, quyết định và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 23 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 26 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền cho Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị thực hiện một số nhiệm vụ sau đây:

a) Cùng Tổng giám đốc ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao.

b) Ký các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

c) Ký điều động các Phó Tổng giám đốc, bổ nhiệm và điều động Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, Sở giao dịch, Trung tâm đào tạo sau khi có ý kiến thống nhất của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

d) Trực tiếp chỉ đạo hoạt động của thường trực Hội đồng quản trị.

đ) Quyết định việc thực hiện kiểm toán độc lập định kỳ hoặc đột xuất hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị.

1. Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 27 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Thực hiện nhiệm vụ theo uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về các quyết định của mình.

3. Chỉ đạo Thường trực Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 25 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Xử lý các công việc sau đây thuộc nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

a) Trình kế hoạch tín dụng và kế hoạch tài chính hàng năm.

b) Trình xử lý các rủi ro trong quá trình hoạt động.

c) Trình quyết toán tài sản và tài chính năm.

5. Thay mặt Hội đồng quản trị xem xét việc khởi kiện hoặc bị kiện liên quan đến Ngân hàng Chính sách xã hội.

6. Dự các hội nghị, hội thảo kể cả họp giao ban tại Trụ sở chính do Tổng giám đốc chủ trì.

7. Trực tiếp điều hành công việc Thư ký Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

8. Định kỳ vào những ngày cuối tuần, cuối tháng tổng hợp báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị những công việc đã xử lý theo thẩm quyền, những công

việc phải xử lý tiếp trong hoạt động của hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội để xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Hội đồng quản trị là Tổng giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, Quy chế điều hành hoạt động và lễ lối làm việc của Tổng giám đốc.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Hội đồng quản trị là Trưởng Ban kiểm soát Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 31 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Hội đồng quản trị.

Điều 9. Nhiệm vụ của các Ủy viên Hội đồng quản trị khác

1. Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Tham gia đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị.

3. Thực hiện kế hoạch kiểm tra, đôn đốc các địa phương theo sự phân công và chương trình kiểm tra của Hội đồng quản trị.

4. Phối hợp chỉ đạo giải quyết các công việc liên quan giữa Ngân hàng Chính sách xã hội với sự chỉ đạo của Bộ, Ngành, tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 10. Quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị khi thực hiện nhiệm vụ của mình được sử dụng các tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho công việc được phân công, yêu cầu các đơn vị thuộc bộ máy điều hành báo cáo tình hình theo yêu cầu. Được sử dụng cán bộ, phương tiện và các điều kiện làm việc của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị được cung cấp các văn bản và tài liệu liên quan đến chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác của Nhà nước; các quy chế nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội. Các tài liệu này được lưu trữ và sử dụng theo chế độ lưu giữ tài liệu của Nhà nước.

CHƯƠNG III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ HỘI HỌP

Điều 11. Chế độ làm việc

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số. Mọi quyết định của Hội đồng quản trị phải được trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Trường hợp số ý kiến biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải bảo đảm quá bán số thành viên Hội đồng quản trị. Những thành viên vắng mặt phải có ý kiến bằng văn bản.

3. Việc biểu quyết của Hội đồng quản trị có thể bằng hình thức bỏ phiếu kín tùy theo tính chất của từng nội dung biểu quyết, do người chủ tọa phiên họp quyết định.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có ý kiến khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình và được báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, trong thời gian chưa có ý kiến của cấp có thẩm quyền vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. ý kiến bảo lưu được lập thành văn bản, có chữ ký của người bảo lưu và được lưu kèm nghị quyết, quyết định có liên quan.

5. Các quyết nghị của Hội đồng quản trị tại phiên họp là căn cứ để ban hành các quyết định và văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

6. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành đối với toàn hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 12. Chế độ họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị 3 tháng họp một lần vào những ngày đầu tháng của tháng đầu quý, do Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được uỷ quyền) quyết định ngày họp, nội dung họp, thành phần dự họp và chủ trì. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nội dung của phiên họp Hội đồng quản trị:

a) Thảo luận, biểu quyết các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b) Thảo luận báo cáo hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội định kỳ hoặc báo cáo chuyên đề, báo cáo của Ban kiểm soát; thảo luận và thông qua các quy chế, cơ chế và đề án về tổ chức, quản lý, phát triển nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Các báo cáo, quy chế, cơ chế, đề án trình Hội đồng quản trị phải bằng văn bản và gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và đại biểu mời (nếu có) trước phiên họp 5 ngày làm việc.

3. Phương thức họp:

a) Đối với các phiên họp thường kỳ sẽ tổ chức họp tập trung và phải có ít nhất 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị có mặt tại phiên họp, các thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có lý do được cử người đi họp thay nhưng phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận. Người đi họp thay được quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết.

Các phiên họp Hội đồng quản trị có nội dung liên quan đến chức năng quản lý Nhà nước của các Bộ, ngành không có thành viên tham gia Hội đồng quản trị, liên quan đến Chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế khác, các tổ chức chính trị xã hội, các hội, các hiệp hội, tổ chức phi Chính phủ do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mời đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức đó dự phiên họp. Các đại biểu được mời có quyền thảo luận đóng góp ý kiến, nhưng không tham gia biểu quyết.

b) Trong trường hợp cấp bách không tổ chức được phiên họp tập trung, Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng phiếu. Các thành viên tham gia từng nội dung cụ thể ghi trên phiếu biểu quyết.

4. Kết luận của mỗi kỳ họp Hội đồng quản trị đều được thông báo đến thành viên Hội đồng quản trị, Ban đại diện Hội đồng quản trị các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Hội sở chính và các Chi nhánh Ngân hàng Chính sách để tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Việc phối hợp giải quyết công việc có liên quan giữa Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội với các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội có đại diện lãnh đạo là thành viên Hội đồng quản trị thì đầu mối để phối hợp công việc do Ủy viên Hội đồng quản trị thuộc Bộ, Ngành, tổ chức chính trị xã hội đó chủ động thực hiện; đối với các Bộ, Ngành, tổ chức chính trị - xã hội không có cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, việc phối hợp để giải quyết công việc liên quan thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công các Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị thực hiện.

Điều 14. Việc phối hợp giải quyết công việc có liên quan giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban nhân dân các cấp do Ủy viên Hội đồng quản trị hoặc Ủy viên Ban đại diện Hội đồng quản trị phụ trách địa bàn phối hợp với Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp có liên quan để thực hiện.

Điều 15. Quan hệ với các tổ chức tài chính, tín dụng trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về tín dụng ưu đãi do các Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc lãnh đạo của các tổ chức tài chính, tín dụng để giải quyết.

Điều 16. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị với bộ máy điều hành tác nghiệp của Ngân hàng Chính sách xã hội, thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ và các quy chế hoạt động của mỗi đơn vị tác nghiệp.

Điều 17. Quan hệ với các tổ chức, cá nhân nước ngoài để tiếp nhận sự giúp đỡ về đào tạo, trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, vốn do Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phối hợp thực hiện trên nguyên tắc hợp tác cùng có lợi.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 19. Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
CHỦ TỊCH**

Đã ký

Lê Đức Thuý